

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 242/2021/TLST/HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa:

- Anh Thiều Văn C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- Chị Lý Thị Đ, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn 3 T, xã P, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 của luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Thiều Văn C và chị Lý Thị Đ.
2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Thiều Văn C và chị Lý Thị Đ thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

- Về nuôi con chung: Giao cho anh Thiệu Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Thiệu Xuân P, sinh ngày 08-02-2006 và Thiệu Xuân T, sinh ngày 06-4-2009.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thị Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 1.600.000 đồng/ tháng (trong đó mỗi con là 800.000 đồng/ tháng), cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con Thiệu Xuân P và Thiệu Xuân T đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 02 năm 2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Thiệu Văn C và chị Lý Thị Đ cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh Thiệu Văn C nhận chịu cả 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2021/0002120, ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái, anh C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Chị Lý Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lục Yên;
- Chi cục THADS huyện Lục Yên;
- UBND xã P, huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Lên